

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 202/2020/HNGĐ - ST.
Ngày: 30 - 9 - 2020.
V/v “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

2. Ông Lưu Đức Chung.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngọc Thị Ngoan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đình Tất - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số **341/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2020** về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **165/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020**, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hoàng L, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 11/3, ấp Đ, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: ấp 8, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1974.

Hộ khẩu thường trú: ấp 5, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: ấp 10, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L, anh H đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H chung sống với nhau từ năm 2010 và tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND xã H. Đến tháng 6 năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do giữa chị và anh H không hợp nhau, cãi vã, đánh đập nhau. Sau khi phát sinh mâu thuẫn, chị sống với con, còn anh H sống một mình. **Nay chị xác định tình cảm không còn, không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.**

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên là Trần Như Q, sinh ngày 24/4/2011, hiện nay đang sống với chị. Chị yêu cầu giao cháu Q cho anh H nuôi, chị không cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra, chị L có 01 người con riêng đang sống với chị L.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn anh Trần Văn H khai: Về quan hệ hôn nhân như chị L trình bày. Anh chị không có mâu thuẫn gì về tình cảm, có mâu thuẫn về tiền bạc, do anh đánh bài thua và có lấy tiền để trả nợ nên chị L xin ly hôn và bỏ ra ngoài sống từ tháng 4 năm 2020. Trong thời gian ly thân thì anh có qua lại thăm con. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý vì anh muốn con có đủ cha mẹ, còn việc chị L muốn đơn phương ly hôn thì Tòa án cứ giải quyết cho chị L.

Về con chung: Có 01 con chung là Trần Như Q. Anh sẽ là người nuôi con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Vì lý do công việc, anh xin vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, các phiên họp, xét xử của Tòa án. Anh cam đoan không thắc mắc khiếu nại gì.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ, việc xét xử của Hội đồng xét xử, việc tuân theo pháp luật của Thư ký đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh H được xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh chị đã sống ly thân từ tháng 04/2020 đến nay nhưng không có hướng đoàn tụ. Chị L đề nghị ly hôn, anh H không đồng ý nhưng cũng không đưa ra được hướng đoàn tụ. Tòa án đã tiến hành H giải nhưng chị L và anh H đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Cho thấy mâu thuẫn vợ chồng của anh chị đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu xin ly hôn của chị L là có căn cứ, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị L. Cho chị L được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 01 người con chung là cháu Trần Như Q, sinh ngày 24/04/2011. Sau khi ly hôn anh H đề nghị nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Chị L cũng thống nhất với đề nghị của anh H, cũng là nguyện vọng của cháu Q nên đề nghị ghi nhận. Giao cháu Q cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị L, anh H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị L, anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 25/2013, ngày 19/3/2013, trên cơ sở tự nguyện nên được xác định là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu nhau, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc,

giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn trầm trọng nên đã sống ly thân. Anh H cũng xác định có mâu thuẫn về tiền bạc do anh đánh bài thua. Mặc dù anh H không đồng ý ly hôn nhưng đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu đơn phương ly hôn của chị L. Chị L thì cương quyết xin ly hôn. Như vậy, giữa chị L và anh H không còn tình nghĩa vợ chồng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ chấp nhận, cho ly hôn giữa chị L và anh H.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Trần Như Q, sinh ngày 24/4/2011, hiện cháu đang sống với chị L. Chị yêu cầu giao cháu Q cho anh H nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con. Cháu Q cũng có nguyện vọng được sống với cha. Còn anh H thì cũng yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, xuất phát từ nguyện vọng của cháu Q, xét yêu cầu về con chung của chị L là có căn cứ chấp nhận, giao cháu Q cho anh H nuôi dưỡng, tạm thời chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị L khai tự thỏa thuận, còn anh H khai không có nên không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị L, anh H khai không có và theo kết quả xác minh tại địa phương thì trong thời kỳ hôn nhân của anh chị, không có ai tranh chấp với anh chị về nghĩa vụ tài sản nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Đối với ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hoàng L về việc tranh chấp ly hôn đối với anh Trần Văn H, cho ly hôn giữa chị L và anh H.

Về con chung: Buộc chị L giao cháu Trần Như Q, sinh ngày 24/4/2011 cho anh H nuôi dưỡng, tạm thời chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị L được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003477 ngày 28/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Chị L, anh H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND xã H , TP.B .
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Hoa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Hoa

